

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2021/HN&GD-ST**

Ngày: 30-7-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hoàng Phúc.

2/ Ông Lưu Trọng Kim.

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2021/TLST-HN&GD ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2021/QĐXXST-HN&GD ngày 08 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ánh N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 6, xã PhTh, huyện TP, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Như H, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số nhà 112, đường Mê pu – Đa Kai, tổ 1, thôn 4, xã DK, huyện Đ L, tỉnh B Th.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đỗ Thị Ánh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DK, huyện ĐL; sau khi kết hôn, thời gian đầu chị N và anh H chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau thì tình cảm vợ chồng không còn đậm ấm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, xung đột bất đồng quan điểm; đã nhiều lần chị N và anh H cùng ngồi lại để giải quyết mọi vấn đề, đề hiểu nhau và đã cố gắng nhường nhịn nhau, thay đổi cách sống và cách suy nghĩ về nhau để mong mục đích hôn nhân được tốt đẹp hơn, nhưng cuối cùng vẫn không giải quyết được, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài càng lúc càng trầm

trọng; chị N và anh H đã ly thân nhau, hiện không còn chung sống, quan hệ như vợ chồng; chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Chí Tr, sinh ngày 02/10/2016; sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị N không yêu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại đơn trình bày và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Anh H và chị N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DK; sau khi kết hôn thì anh H và chị N chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Chí Trung, sinh ngày 02/10/2016; cuộc sống hôn nhân hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân khác nhau, dẫn đến vợ chồng mất tình cảm và phải sống ly thân; đến nay chị N xác định không còn tình cảm với anh H nữa và xin ly hôn thì anh H đồng ý.

Về con chung họ tên như chị N trình bày là đúng, hiện tại con chung đang sống chung với chị N; nếu N có yêu cầu nuôi con chung thì anh H đồng ý giao con cho N nuôi, nếu chị N không nuôi con chung thì anh H sẽ nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh H.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Chí Tr, sinh ngày 02/10/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ghi nhận ý kiến của chị N về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Như N khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn anh Nguyễn Như H; anh H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 4, xã DK, huyện ĐL, tỉnh BTh.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh B Th.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 24, do Ủy ban nhân dân xã DK, huyện Đức Linh cấp vào ngày 28/3/2016, có căn cứ khẳng định chị N và anh H đã kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đakai, huyện Đức Linh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị N và anh H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị N là do chị và anh H không hợp tính tình, không cùng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng bất đồng hay cãi vã nhau, chị N xác định không thể tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh H được nữa; hiện tại chị N và anh H đã sống ly thân; trong thời gian sống ly thân, hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh H; anh H cũng thừa nhận giữa anh và chị N có mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân khác nhau, dẫn đến vợ chồng mất tình cảm và anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Từ những phân tích trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H.

[3.2] Về con chung: Căn cứ trích lục khai sinh số 506, do Ủy ban nhân dân xã PhTh, huyện TP cấp ngày 31/10/2016, có cơ sở xác định cháu Nguyễn Chí Tr, sinh ngày 02/10/2016 là con chung của chị Đỗ Thị Ánh N và anh Nguyễn Như H.

Sau khi ly hôn, chị N và anh H đều yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, công việc và thu nhập hiện tại của chị N ổn định, cháu Tr còn ở độ tuổi trẻ em, cho nên việc cháu được sống chung với mẹ (chị N) thì đời sống vật chất và tinh thần của cháu sẽ ổn định và cháu sẽ phát triển tốt hơn. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị N quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng

và giáo dục cháu Trung. Anh H không trực tiếp nuôi con chung nhưng anh H vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị N và không xem xét giải quyết trong bản án này.

[3.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Đỗ Thị Ánh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, **56, 57, 81, 82, 83** của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ánh N.

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ánh N ly hôn anh Nguyễn Như H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24, do Ủy ban nhân dân xã DK, huyện Đ L cấp vào ngày 28/3/2016, cấp cho chị Đỗ Thị Ánh N và anh Nguyễn Như H hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Ánh N quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Chí Tr, sinh ngày 02/10/2016.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

4. Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn và bị đơn về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung trong vụ án này.

5. Về án phí:

- Chị Đỗ Thị Ánh N phải chịu số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn), được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005313 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Đỗ Thị Ánh N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã DK, xã Phú Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

MAI THUẬN